

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT		
1.1. Tên người sử dụng đất:		
Ông: Thái Văn Phương	Năm sinh: 1969	CCCD số: 070069000125
Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước		
Bà: Nguyễn Thị Lắm	Năm sinh: 1973	CCCD số: 093173000247
Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước		
1.2. Số điện thoại:	Email (nếu có):	
1.3. Mã số thuế (nếu có):		
1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính:	Phân chia QSDĐ	
1.5. Biên nhận số:	000.25.70.H10-240412-0132	
II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT		
2.1 Thông tin về đất		
2.1.1. Thửa đất số: 21, Tờ bản đồ số: 25		
2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước		
2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: Theo bản đồ giá do BPĐĐ cung cấp		
* Khu vực: 2(hai)		
- Đất ở tại đô thị: Mặt tiền đường		
246 + Các tuyến đường đất còn lại. Toàn tuyến		
+ Phạm vi: 1(một): 500m ² ;		
- Đất nông nghiệp:		
+ Trong phạm vi khu dân cư:		
+ Ngoài phạm vi khu dân cư: Vị trí: 3(ba) 18355,7 m ²		
2.1.4 Diện tích thửa đất: 18855,7 m ²		
- Hình thức sử dụng: riêng,		
- Diện tích sử dụng: 18855,7 m ² ,		
- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m ²		
- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m ²		
- Diện tích đất trong hạn mức: m ²		
- Diện tích đất ngoài hạn mức: m ²		
- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m ²		
2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Phân chia QSDĐ		
2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 500m ² ; Đất trồng cây lâu năm 18355,7m ² ,		
Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:		
2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 06/12/2050,		
2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:		
2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:		

- Hình thức đang sử dụng:
- Hình thức sau khi chuyển:

2.1.10. Giá đất:

Căn cứ vào QĐ số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước;
Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

- Giá đất cụ thể:
- Giá trúng đấu giá:
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:

- 2.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:
- 2.2.2. Diện tích xây dựng:m2;
- 2.2.3. Diện tích sàn xây dựng:m2;
- 2.2.4. Diện tích sở hữu chung:m2; Diện tích sở hữu riêng:m2;
- 2.2.5. Kết cấu:; Số tầng nổi:; Số tầng hầm:
- 2.2.6. Nguồn gốc:
- 2.2.7. Năm hoàn công:năm
- 2.2.8. Thời hạn sở hữu đến:năm

III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển, nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động):

- 3.1.1. Loại biến động:
- 3.1.2. Loại tài sản biến động:

3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)

- 3.2.1. Đối tượng ghi nợ:
- 3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:

3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính

- 3.3.1. Đối tượng miễn, giảm:
- 3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:

3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:

Tên của khoản được trừ:

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO

- Hợp đồng/Văn bản về việc chuyển nhượng/tặng cho/thừa kế/phân chia QSDĐ;
- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính;

(B)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

- 1.1. Tên người sử dụng đất:
Ông: Thái Văn Phương Năm sinh: 1969 CCCD số: 070069000125
Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Bà: Nguyễn Thị Lắm Năm sinh: 1973 CCCD số: 093173000247
Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- 1.2. Số điện thoại: Email (nếu có):
- 1.3. Mã số thuế (nếu có):
- 1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Phân chia QSDĐ
- 1.5. Biên nhận số: **000.25.70.H10-240412-0120**

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- 2.1 Thông tin về đất
- 2.1.1. Thửa đất số: 7, Tờ bản đồ số: 30
- 2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 1, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- 2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: Theo bản đồ giá do BPĐĐ cung cấp

*** Khu vực: 2(hai)**

- Đất ở tại đô thị: Mặt tiền đường

- Đất nông nghiệp:

+ Trong phạm vi khu dân cư:

+ Ngoài phạm vi khu dân cư: Vị trí: 4(bốn) 10899,9 m²

2.1.4 Diện tích thửa đất: 10899,9 m²

- Hình thức sử dụng: riêng,

- Diện tích sử dụng: 10899,9 m²,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m²

2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Phân chia QSDĐ

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Sử dụng đến ngày 09/9/2050,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

- 1.1. Tên người sử dụng đất:
Ông: **Thái Văn Phương** Năm sinh: 1969 CCCD số: 070069000125
Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Bà: **Nguyễn Thị Lắm** Năm sinh: 1973 CCCD số: 093173000247
Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
1.2. Số điện thoại: Email (nếu có):
1.3. Mã số thuế (nếu có):
1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Phân chia QSDĐ
1.5. Biên nhận số: **000.25.70.H10-240412-0124**

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- 2.1 Thông tin về đất
2.1.1. Thửa đất số: 489, Tờ bản đồ số: 24
2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: Theo bản đồ giá do BPĐĐ cung cấp
* **Khu vực: 2(hai)**
- Đất ở tại đô thị: Mặt tiền đường
245 + Đường nhựa, đường bê tông nông thôn. Toàn tuyến

+ Phạm vi: 1(một): 600m²;
- **Đất nông nghiệp:**
+ Trong phạm vi khu dân cư:
+ Ngoài phạm vi khu dân cư: Vị trí: 2(hai) 10231,8 m²
2.1.4 Diện tích thửa đất: 10831,8 m²
- Hình thức sử dụng: riêng,
- Diện tích sử dụng: 10831,8 m²,
- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²
- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²
- Diện tích đất trong hạn mức: m²
- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²
- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m²
2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Phân chia QSDĐ
2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 600m²; Đất trồng cây lâu năm 10231,8m²,
Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:
2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài, Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 06/12/2050,
2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:
2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:

- Hình thức đang sử dụng:
- Hình thức sau khi chuyển:

2.1.10. Giá đất:

Căn cứ vào QĐ số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước;
Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

- Giá đất cụ thể:
- Giá trúng đấu giá:
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:

- 2.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:;
- 2.2.2. Diện tích xây dựng:m²;
- 2.2.3. Diện tích sàn xây dựng:m²;
- 2.2.4. Diện tích sở hữu chung:m²; Diện tích sở hữu riêng:m²;
- 2.2.5. Kết cấu:; Số tầng nổi:; Số tầng hầm:
- 2.2.6. Nguồn gốc:
- 2.2.7. Năm hoàn công:năm
- 2.2.8. Thời hạn sở hữu đến:năm

III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển, nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động):

- 3.1.1. Loại biến động:
- 3.1.2. Loại tài sản biến động:

3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)

- 3.2.1. Đối tượng ghi nợ:
- 3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:

3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính

- 3.3.1. Đối tượng miễn, giảm:
- 3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:

3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:

Tên của khoản được trừ:

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO

- Hợp đồng/Văn bản về việc chuyển nhượng/tặng cho/thừa kế/phân chia QSDĐ;
- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính;

(B)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn P.

VĂN PHÒNG ĐKĐĐ TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐKĐĐ
THỊ XÃ CHƠN THÀNH

Số: 7216 /PCTTĐC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chơn Thành, ngày 19 tháng 4 năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Chi cục Thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Tên người sử dụng đất:

Ông: Nguyễn Văn Mộng

Sinh năm: 1985

CCCD số: 070085008619

Địa chỉ thường trú: kp.Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Bà: Võ Hồng Khanh

Sinh năm: 1986

CCCD số: 070186005901

Địa chỉ thường trú: kp. Mỹ Hưng, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.2. Số điện thoại:

Email (nếu có):

1.3. Mã số thuế (nếu có):

1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Chuyển mục đích sử dụng đất

1.5. Biên nhận số: 000.00.70.H10-240410-0011.

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1 Thông tin về đất

2.1.1. Thửa đất số: 286

, Tờ bản đồ số: 28

2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố Hiếu Cảm, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất (Căn cứ Bản đồ giá do Bộ phận đo đạc bản đồ cung cấp)

* Khu vực: 1 (một)

- **Đất ở tại đô thị: Mặt tiền đường**

⁷⁴ + Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, ấp Hiếu Cảm). Đoạn từ Hết đất của ông La Xuân (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 27) đến Hết đất của bà Tống Thị Vân (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 28)

+ Phạm vi: 2(hai): 100m²

- Đất nông nghiệp:

+ Trong phạm vi khu dân cư: Vị trí: 1(một)

+ Ngoài phạm vi khu dân cư:

2.1.4 Diện tích thửa đất: 833,7 m²

-Hình thức sử dụng: chung,

- Diện tích sử dụng: 833,7 m²,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 100m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: 100 m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: 100m²

2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Chuyển mục đích sử dụng đất

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m²; Đất trồng cây lâu năm: 733,7m²,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: Đất trồng cây lâu năm

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 15/10/2043,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:



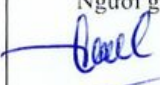
<p>2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức đang sử dụng: - Hình thức sau khi chuyển: <p>2.1.10. Giá đất:</p> <p>Căn cứ vào Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước; Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước; Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước; Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh Bình Phước;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá đất cụ thể: - Giá trúng đấu giá: - Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:
<p>2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:</p> <p>2.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:;</p> <p>2.2.2. Diện tích xây dựng:m²;</p> <p>2.2.3. Diện tích sàn xây dựng:m²;</p> <p>2.2.4. Diện tích sở hữu chung:m²; Diện tích sở hữu riêng:m²;</p> <p>2.2.5. Kết cấu:; Số tầng nổi:; Số tầng hầm:</p> <p>2.2.6. Nguồn gốc:</p> <p>2.2.7. Năm hoàn công:năm</p> <p>2.2.8. Thời hạn sở hữu đến:năm</p>
<p>III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT</p>
<p>3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển,</p> <p>3.1.1. Loại biến động:</p> <p>3.1.2. Loại tài sản biến động:</p> <p>3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)</p> <p>3.2.1. Đối tượng ghi nợ:</p> <p>3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:</p> <p>3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính</p> <p>3.3.1. Đối tượng miễn, giảm:</p> <p>3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:</p> <p>3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:</p> <p>Tên của khoản được trừ:</p>
<p>IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết không chọn thửa đất trong hạn mức đất ở; Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính; - PC, Đơn, Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 16/4/2024

TN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Nam

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ		KẾT QUẢ (Trước hạn/đúng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ
1. Giao: 2. Nhận:	08 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 05 năm 24..			
	Người giao  Nguyễn Thị Mỹ	Người nhận  Nguyễn Thị Thủy Nga		
1. Giao: 2. Nhận:	09 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 5.. năm 20....			
	Người giao  Nguyễn Thị Thủy Nga	Người nhận		
1. Giao: 2. Nhận: giờ phút, ngày tháng năm			
	Người giao	Người nhận		
1. Giao: 2. Nhận: giờ phút, ngày tháng năm			
	Người giao	Người nhận		

THỊ XÃ CHƠN THÀNH
BỘ PHẬN TIẾP NHẬN & TRẢ KQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 000.00.70.H10-240410-0011 / KSHS

Chơn Thành, ngày 10 tháng 04 năm 2024

PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Kèm theo hồ sơ của: **DSD VÕ HỒNG KHANH,; NGUYỄN VĂN MỘNG** Số điện thoại: 0777155889

Địa chỉ: Chưa có thông tin, Phường Thành Tâm, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

Mã số: 000.00.70.H10-240410-0011

Nội dung giải quyết: 3. Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân

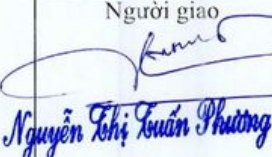





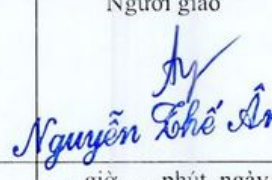
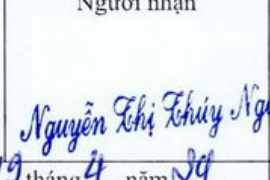

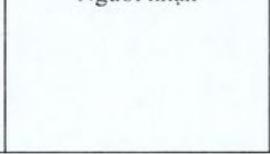
Ghi chú: **CMD 100M2**

Ngày nhận: 10/04/2024 10:25

Ngày, giờ hẹn trả kết quả: 14 giờ 00, ngày 06 tháng 05 năm 2024

Phí, lệ phí sau khi hồ sơ hoàn thành:

Người thông báo phí, lệ phí (Ký ghi rõ họ tên):

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ	KẾT QUẢ (Trước hạn/dúng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ
1. Giao: 2. Nhận:	14 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 04 năm 2024 Người giao:  Người nhận: 		
1. Giao: 2. Nhận: giờ phút, ngày 12 tháng 04 năm 2024 Người giao:  Người nhận: 		
1. Giao: 2. Nhận:	08 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 04 năm 2024 Người giao:  Người nhận: 		
1. Giao: 2. Nhận: giờ phút, ngày 19 tháng 04 năm Người giao:  Người nhận: 		
1. Giao: 2. Nhận: giờ phút, ngày 19 tháng 04 năm 2024 Người giao:  Người nhận: 		

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT		
1.1. Tên người sử dụng đất: Ông: Nguyễn Văn Dân Năm sinh: 1982 CCCD số: 070082005653 Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước Bà: Hà Thị Liễu Năm sinh: 1983 CCCD số: 285616437 Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước		
1.2. Số điện thoại:		Email (nếu có):
1.3. Mã số thuế (nếu có):		
1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Chuyển mục đích sử dụng đất		
1.5. Biên nhận số: 000.00.70.H10-240123-0017.		
II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT		
2.1 Thông tin về đất		
2.1.1. Thửa đất số: 141, Tờ bản đồ số: 74		
2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 3, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước		
2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất. * Khu vực: 1(một) - Đất ở tại đô thị: Mặt tiền đường: + Đường Thành Thái. Đoạn từ Ngã ba ranh giới khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64 tờ bản đồ số 65) +Phạm vi 1(một): 50m ² ; - Đất nông nghiệp: + Trong phạm vi khu dân cư: Vị trí: 1(một): + Ngoài phạm vi khu dân cư:		
2.1.4 Diện tích thửa đất: 245,2 m ² -Hình thức sử dụng: riêng, - Diện tích sử dụng: 245,2 m ² , - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 50m ² - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m ² - Diện tích đất trong hạn mức: m ² - Diện tích đất ngoài hạn mức: 50 m ² - Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: 50m ²		
2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Chuyển mục đích sử dụng đất		
2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 100m ² ; Đất trồng cây lâu năm 145,2m ² , Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: CLN		
2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài, Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 15/10/2043,		
2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:		
2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:		

<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức đang sử dụng: - Hình thức sau khi chuyển:
<p>2.1.10. Giá đất:</p> <p>Căn cứ vào QĐ số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước; Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;</p> <p>Căn cứ quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh Bình Phước; Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá đất cụ thể: - Giá trúng đấu giá: - Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:
<p>2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:</p> <p>2.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:;</p> <p>2.2.2. Diện tích xây dựng:m2;</p> <p>2.2.3. Diện tích sàn xây dựng:m2;</p> <p>2.2.4. Diện tích sở hữu chung:m2; Diện tích sở hữu riêng:m2;</p> <p>2.2.5. Kết cấu:; Số tầng nổi:; Số tầng hầm:</p> <p>2.2.6. Nguồn gốc:</p> <p>2.2.7. Năm hoàn công:.....năm</p> <p>2.2.8. Thời hạn sở hữu đến:năm</p>
<p>III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT</p> <p>3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển, nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động):</p> <p>3.1.1. Loại biến động:</p> <p>3.1.2. Loại tài sản biến động:</p> <p>3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)</p> <p>3.2.1. Đối tượng ghi nợ:</p> <p>3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:</p> <p>3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính</p> <p>3.3.1. Đối tượng miễn, giảm:</p> <p>3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:</p> <p>3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:</p> <p>Tên của khoản được trừ:</p>
<p>IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết không chọn thửa đất trong hạn mức đất ở. - Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính²; - Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND thị xã Chơn Thành.

PHÓ GIÁM ĐỐC




Phạm Văn Nam

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ		KẾT QUẢ (Trước hạn/dúng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ
1. Giao: 2. Nhận:	... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm ...			
	Người giao	Người nhận		
1. Giao: 2. Nhận:	... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm ...			
	Người giao	Người nhận		
1. Giao: 2. Nhận: giờ phút, ngày ... tháng ... năm			
	Người giao	Người nhận		
1. Giao: 2. Nhận: giờ phút, ngày tháng năm			
	Người giao	Người nhận		

Chơn Thành, ngày 25 tháng 4 năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Tên người sử dụng đất:

Ông: Vũ Văn Thiêng

Năm sinh: 1994

CCCD số: 038094015065

Địa chỉ thường trú: kp. Yên Châu, phường Hải Châu, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Bà: Phạm Thị Diễm

Năm sinh: 1993

CCCD số: 052193004318

Địa chỉ thường trú: thôn 5, xã Kiến Thành, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

1.2. Số điện thoại:

Email (nếu có):

1.3. Mã số thuế (nếu có):

1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Chuyển nhượng QSDĐ

1.5. Biên nhận số:

000.25.70.H10-240419-0165

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1 Thông tin về đất

2.1.1. Thửa đất số: 1665

Tờ bản đồ số: 1

2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 6, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:

*** Khu vực: 2(hai)**

- Đất ở tại đô thị : Mặt tiền đường

+ Đường nhựa, đường bê tông nông thôn. Toàn tuyến

+ Phạm vi: 1(một): 50m²;

- Đất nông nghiệp:

+ Trong phạm vi khu dân cư:

+ Ngoài phạm vi khu dân cư: Vị trí: 2(hai) 210,5 m²

2.1.4 Diện tích thửa đất: 260,5 m²

-Hình thức sử dụng: riêng,

- Diện tích sử dụng: 260,5 m²,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m²

2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Chuyển nhượng QSDĐ

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 50m²; Đất trồng cây lâu năm 210,5m²,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 20/4/2050,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:

- Hình thức đang sử dụng:

- Hình thức sau khi chuyển:

2.1.10. Giá đất:

Căn cứ vào QĐ số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước;
Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước;

- Giá đất cụ thể:
- Giá trúng đấu giá:
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:

- 2.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:
- 2.2.2. Diện tích xây dựng:m²;
- 2.2.3. Diện tích sàn xây dựng:m²;
- 2.2.4. Diện tích sở hữu chung:m²; Diện tích sở hữu riêng:m²;
- 2.2.5. Kết cấu:; Số tầng nổi:; Số tầng hầm:
- 2.2.6. Nguồn gốc:
- 2.2.7. Năm hoàn công:năm
- 2.2.8. Thời hạn sở hữu đến:năm

III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động):

- 3.1.1. Loại biến động:
- 3.1.2. Loại tài sản biến động:

3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)

- 3.2.1. Đối tượng ghi nợ:
- 3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:

3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính

- 3.3.1. Đối tượng miễn, giảm:
- 3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:

3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:

Tên của khoản được trừ:

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO

- Hợp đồng/Văn bản về việc chuyển nhượng/tặng cho/thừa kế/phân chia QSDĐ;
- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính²;

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn